

**TÒA ÁN NH4 DÂN
KHU VỰC 8-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2025/DS-ST
Ngày: 07/10/2025
V/v “T1 chấp thừa kế tài sản”

**NH4 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH4 DÂN KHU VỰC 8-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nH4 dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Võ Thành Trung - Thư ký
Toà aùn nhaân dân khu vực 8-Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nH4 dân khu vực 8-Vĩnh Long tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Thị Thảo Loan- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/9/2025; ngày 07/10/2025, tại Hội trường xét xử của
Tòa án nH4 dân khu vực 8-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công Ki theo thủ tục
thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021
về việc “T1 chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
241/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Đoàn Thị T, sinh năm 1941 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

* **Bi đơn:** Ngô Văn H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1/ Ngô Thị Trúc L, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mắc Miều, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ngô Thị C, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Thạnh, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ngô Văn D, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ngô Thị Đ, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 22/2, ấp An Hòa, xã An Phước, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Ngô Thị Trúc H, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Ngô Văn Hiền, sinh năm 1966 (Chết)

Địa chỉ: Ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hiền.

- Trần Thị T1, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

- Ngô Hoàng K, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

- Ngô L1 B1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

- Ngô Thị Lệ H2, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Ngô Văn Đức, sinh năm 1962 (Chết)

Địa chỉ: Ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đức:

- Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

- Ngô Thị Kim Q, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

- Ngô Đăng K2, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

- Ngô Thị Thúy H4, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

- Ngô Hoàng L1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Phạm Văn E, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

10/ Phạm Thị N, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

11/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/10/2020, những lời Ki tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đoàn Thị T trình bày:

Bà Đoàn Thị T với ông Ngô Văn Rít là vợ chồng, trong thời gian chung sống, vợ chồng tạo lập được phần đất thuộc các thửa đất số 486, 487, 488 cùng tờ bản đồ số 37, có diện tích là 2.221,5 m² (Theo số liệu cũ thuộc thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 5). Đến ngày 24/7/2018, ông Ngô Văn Rít chết, đồng thời cha, mẹ của ông Ngô Văn Rít cũng đã chết rất lâu, chết thời gian nào bà T không nhớ rõ. Sau khi ông Ngô Văn Rít chết, bà T đã yêu cầu các con của bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất để pH4 chia thừa kế tài sản, tuy nhiên không Ta thuận được. Hiện tại, sức khỏe của bà Đoàn Thị T già, yếu cần tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Do đó, bà Đoàn Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử chia thừa kế tài sản của bà T với ông Ngô Văn Rít theo quy định của pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn Rít B1o gồm những người sau đây: Đoàn Thị T (Vợ ông Rít), Ngô Văn H (Con ông Rít), Ngô Thị Trúc L (Con ông Rít), Ngô Thị C (Con ông Rít), Ngô Văn D (Con ông Rít), Ngô Thị Đ (Con ông Rít), Ngô Thị Trúc H (Con ông Rít), Ngô Văn Hiền (chết) Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hiền (Trần Thị T1, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2), Ngô Văn Đức, (Chết) (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đức là Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Thị Thúy H4 Ngô Hoàng L1).

Như vậy phần đất đang T1 chấp được chia làm 02 phần, bà Đoàn thị T nhận bằng hiện vật $\frac{1}{2}$ thửa đất T1 chấp, $\frac{1}{2}$ phần của ông Ngô Văn Rít được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Rít, cụ thể: bà Đoàn Thị T và tất cả những người con của ông Rít mỗi người nhận $\frac{1}{18}$ giá trị phần đất đang T1 chấp, bởi vì diện tích quá nhỏ không thể nhận bằng hiện vật được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đoàn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể bà T yêu cầu nhận phần đất có diện tích tương đương với kỷ phần $\frac{10}{18}$, bà T yêu cầu nhận phần đất thuộc thửa 488, có diện tích 1.309,7 m², thửa 488-1, có diện tích 0,7 m², thửa 486 có diện tích 374,5 m², thửa 486-1 có diện tích 3,5 m² thuộc các điểm CDEFYXMVF'C có tổng diện tích là 1.688,4 m². Bà T đồng ý bồi hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người con của bà theo giá trị Hội đồng định giá đã định.

Bà T thống nhất hoàn toàn với kết quả đo đạc, định giá, không có ý kiến, khiếu nại gì.

Đối với thửa 352-1, có diện tích 10,4 m², ranh theo hiện trạng bên bà T lấn sang bên bà Phạm Thị N, bà T đồng ý trả lại để giữ nguyên ranh theo hồ sơ địa chính.

(Tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Họa đồ hiện trạng đất đối với phần đất đang T1 chấp, giấy chứng tử của ông Ngô Văn Rít).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Ngô Văn H trình bày:

Ông H thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của nguyên đơn Đoàn Thị T (Mẹ của ông H), hiện tại cha, mẹ của ông Rít đều đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông Rít theo lời trình bày của bà T là đúng sự thật. Ông Ngô Văn H yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của ông Ngô Văn Rít (Cha ông H) để lại, cụ thể ông yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế của ông H được nhận tương ứng với số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), bởi vì khi còn sống, ông Rít đã hứa

cho đất ông H, đồng thời bà Ngô Thị Trúc L, bà Ngô Thị C, Ngô Thị Trúc H cũng đã cam kết chia cho ông H 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

* Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc L trình bày:

Bà Ngô Thị Trúc L thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Đoàn Thị T về tài sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn Rít, cụ thể bà Ngô Thị Trúc L yêu cầu nhận kỷ phần của bà L, yêu cầu nhận bằng hiện vật, bà L yêu cầu nhận phần đất thuộc các thửa 487 có diện tích 507,2m², thửa 487-1, có diện tích 20,6 m², có tổng diện tích là 527,8 m² thuộc các điểm ABC'D'E'F'NOVRSTUA, bà Ngô Thị Trúc L đồng ý bồi hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người còn lại.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị C trình bày:

Bà Ngô Thị C thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Đoàn Thị T về tài sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn Rít, cụ thể bà Ngô Thị C yêu cầu chia theo pháp luật đối với phần di sản của ông Ngô Văn Rít để lại, yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn D trình bày:

Ông Ngô Văn D yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu nhận giá trị kỷ phần tương đương với phần đất có chiều ngang 02 mét, chiều dài hết đất, bởi vì trong thời gian ông Ngô Văn Rít (Cha ông D) còn sống có hứa cho ông D 02 02 mét ngang, chiều dài hết đất, tuy nhiên ông D yêu cầu nhận bằng giá trị tương ứng với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

* Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Đ trình bày:

Bà Ngô Thị C thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Đoàn Thị T về tài sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn Rít, cụ thể bà Ngô Thị C yêu cầu chia theo pháp luật đối với phần di sản của ông Ngô Văn Rít để lại, yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế.

* Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc H trình bày:

Bà Ngô Thị Trúc H thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Đoàn Thị T về tài sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn Rít, cụ thể bà H yêu cầu chia theo pháp luật đối với phần di sản của ông Ngô Văn Rít để lại, yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T1, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2 trình bày:

Bà Trần Thị T1 là vợ của ông Ngô Văn Hiền, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2 là các con của ông Hiền, yêu cầu nhận phần di sản thừa kế mà ông Ngô Văn Rít để lại, yêu cầu nhận bằng giá trị.

* Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Thị Thúy H4 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim O là vợ của ông Ngô Văn Đức, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Thị Thúy H4, Ngô Hoàng L1 là các con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đức, yêu cầu nhận phần di sản thừa kế mà ông Ngô Văn Rít để lại, yêu cầu nhận bằng giá trị.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T3 trình bày:

Thông nhất lấy ranh theo hồ sơ địa chính đối với phần đất đang T1 chấp, bà T3 đồng ý trả ại thửa 487-1, có diện tích là 20,6 m² để hai bên không phải điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị N trình bày:

Thông nhất lấy ranh theo hồ sơ địa chính, bà N yêu cầu bên bà T trả lại cho bà N thửa đất số 352-1, có diện tích 10,4 m² để ổn định ranh giới giữa hai bên.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D trình bày:

Thông nhất lấy ranh theo hồ sơ địa chính, bà Nguyễn Thị D đồng ý hoàn trả lại cho bên bà Đoàn Thị T thửa 486-1 có diện tích 3,5 m², trả lại thửa 488-1 có diện tích là 0,7 m².

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điều 611, 613, 623 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị T về việc “T1 chấp thừa kế tài sản” với ông Ngô Văn H.

Bà Đoàn Thị T được nhận nhận phần đất có diện tích 1.688,4 m² thuộc thửa 488 có diện tích 1.309,7 m², thửa 488-1 có diện tích 0,7m², thửa 486 có diện tích

374,5 m², thửa 486-1 có diện tích 3,5 m² thuộc các điểm CDEFYXMVF'C. Bà T phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất giá trị kỷ phần thừa kế theo quy định.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Thị Thúy H4, Ngô Hoàng L1.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T1.

Bà Ngô Thị Trúc L được nhận phần đất có tổng diện tích là 527,8 m² thuộc các thửa 487 có diện tích 507,2m², thửa 487-1, có diện tích 20,6 m² thuộc các điểm ABC'D'E'F'NOVRSTUA, bà Ngô Thị Trúc L phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người còn lại.

Đối với ông Ngô Văn D trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo yêu cầu ông D tiến hành thủ tục nộp đơn yêu cầu độc lập để nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật, tuy nhiên, ông D không tiến hành nộp đơn yêu cầu theo quy định, do đó, kỷ phần thừa kế của ông D tạm giao cho bà T tiếp tục quản lý. Ông D được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả T1 tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Trần Thị T1, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 Nguyễn Thị T3, Phạm Văn E, Phạm Thị N, Nguyễn Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Ông Ngô Văn Rít (Chồng của nguyên đơn Đoàn Thị T) chết không để lại di chúc, bà T thuộc hàng thừa kế thứ nhất khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất số 486, 487, 488, cùng tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã TP, tỉnh Vĩnh Long, do đó vụ án có quan hệ pháp luật là “T1 chấp về thừa kế tài sản” được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ngô Văn H đang cư trú tại ấp TL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nH4 dân khu vực 8-Vĩnh Long có thẩm quyền xét xử vụ án là đúng quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về thủ tục công Ki chứng cứ tại phiên tòa.

Sau khi Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công Ki chứng cứ, Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ mới là Công văn số 128/CNKV20 ngày 10/9/2025; họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 28/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20, Hội đồng xét xử công Ki các tài liệu, chứng cứ mới thu thập được tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 250 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét thời hiệu thừa kế.

Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp đủ cơ sở kết luận ông Ngô Văn Rít chết năm 2018, do đó, nguyên đơn Đoàn Thị T nộp đơn yêu cầu T1 chấp thừa kế tài sản vào ngày 22/10/2020 là chưa hết thời hiệu chia di sản thừa kế (30 năm) theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự, do đó Tòa án nH4 dân khu vực 8-Vĩnh Long thụ lý và xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[5] Đối với ranh phần đất đang T1 chấp.

Phần đất đang T1 chấp thuộc các thửa 486, 487, 488, cùng tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã TP, tỉnh Vĩnh Long, có tứ cận như sau:

-Hướng Đông giáp với Đường ấp 5, xã TP.

-Hướng Tây giáp với thửa 186, tờ bản đồ số 37, thửa 195, tờ bản đồ số 37 của bà Nguyễn Thị D.

-Hướng Nam giáp với thửa 352, tờ bản đồ số 32 của bà Phạm Thị N, thửa 218, tờ bản đồ số 37 của ông Phạm Văn E.

-Hướng Bắc giáp với thửa 196, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Thủ, thửa 197, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Hữu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan B1o gồm: Nguyễn Thị T3, Phạm Thị N, Nguyễn Thị D thống nhất xác định ranh theo ranh hồ sơ địa chính, do đó Hội đồng xét xử xác định ranh theo hồ sơ địa chính xét xử là đúng pháp luật.

[6] Về nội dung vụ án.

Bà Đoàn Thị T với ông Ngô Văn Rít là vợ chồng, đến năm 2018, ông Rít chết không để lại di chúc, do đó nguyên đơn Đoàn Thị T “T1 chấp thừa kế tài sản” đối với các thửa đất số 486, 487, 488, cùng tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã TP, tỉnh Vĩnh Long (Theo số liệu cũ thuộc thửa đất số 223, 224, cùng tờ bản đồ số 5). Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất các tình tiết như: Cha, mẹ, của

ông Rít đều đã chết, ông Rít không có con nuôi, đồng thời giữa bà T với ông Rít có tổng cộng 08 người con B1o gồm: Ngô Văn H, Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Văn D, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H, Ngô Văn Hiền, Ngô Văn Đức, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chính vì lẽ đó, di sản thừa kế B1o gồm 03 thửa đất 486, 487, 488 cùng tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã TP, tỉnh Vĩnh Long, đây là tài sản chung của vợ chồng bà T với ông Rít, được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên bà T được 50% tài sản T1 chấp. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Rít B1o gồm bà T (Vợ ông Rít) và 08 người con, do đó phần tài sản của ông Rít là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản T1 chấp được chia đều cho mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, cụ thể bà Đoàn Thị T, Ngô Văn H, Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Văn D, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H, Ngô Văn Hiền, Ngô Văn Đức mỗi người được nhận $\frac{1}{18}$ giá trị tài sản T1 chấp. Như vậy, cụ thể mỗi phần của từng người nhận cụ thể như sau:

Bà Đoàn Thị T nhận $\frac{10}{18}$ tổng giá trị tài sản T1 chấp; Ngô Văn H, Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Văn D, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H, Ngô Văn Hiền, Ngô Văn Đức mỗi người được nhận $\frac{1}{18}$ tổng giá trị tài sản T1 chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Đoàn Thị T nhận trên 50% giá trị tài sản T1 chấp, đồng thời bà T có yêu cầu nhận bằng hiện vật, các con của bà T B1o gồm: Ngô Văn H, Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Văn D, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H đều thống nhất không có ý kiến gì, nên bà T yêu cầu nhận bằng hiện vật được chấp nhận. Ngoài ra, trên phần đất đang T1 chấp có nhà cửa và công trình kiến trúc được xây dựng đan xen với nhau, do đó không thể chia cắt phần diện tích tương ứng với tỷ phần $\frac{10}{18}$ mà bà T được nhận, nhằm giảm thiệt hại về tài sản trên đất nên khi chia, cắt không cắt ngang phần nhà đã được xây, cũng như tránh tháo dỡ nhà cửa trên đất T1 chấp. Do đó, yêu cầu của bà T được nhận phần đất có diện tích 1.688,4 m² thuộc các thửa 488 có diện tích 1.309,7 m², thửa 488-1, có diện tích 0,7 m², thửa 486 có diện tích 374,5 m², thửa 486-1 có diện tích 3,5 m² thuộc các điểm CDEFYXMVF'C là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà T phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất giá trị tỷ phần mà họ được nhận.

Bà T được nhận phần đất có diện tích 1.688,4 m² thuộc thửa 488 có diện tích 1.309,7 m², thửa 488-1 có diện tích 0,7 m², thửa 486 có diện tích 374,5 m², thửa 486-1 có diện tích 3,5 m² thuộc các điểm CDEFYXMVF'C, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với Đường ấp 5, xã TP.
- Hướng Tây giáp với thửa 195, tờ bản đồ số 37 của bà Nguyễn Thị D, thửa 186, tờ bản đồ số 37.

- Hướng Nam giáp với thửa 352, tờ bản đồ số 37 của bà Phạm Thị N, thửa 218, tờ bản đồ số 37 của ông Phạm Văn E.

- Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Ngô Thị Trúc L nhận.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất T1 chấp ngày 28/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20-Vĩnh Long).

[7] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc L.

Bà Ngô Thị Trúc L là con của ông Ngô Văn Rít, do đó bà L được nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật, tương ứng với 1/18 giá trị tài sản T1 chấp, đồng thời bà L có yêu cầu nhận bằng hiện vật để cất nhà sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy: Những người con của ông Rít không ai có yêu cầu nhận hiện vật, đồng thời việc bà L yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, bà T và các anh, chị E khác không ai có ý kiến gì, do đó yêu cầu của bà L là có cơ sở nên được chấp nhận. Việc nhận kỷ phần 1/9 phần di sản thừa kế của ông Rít để lại, nếu nhận đúng với diện tích phần đất T1 chấp thì có diện tích nhỏ, không đủ điều kiện tách thửa, cũng như khó khăn trong quá trình sử dụng. Do đó, bà L yêu cầu nhận phần đất có diện tích 527,8 m², thuộc các thửa 487 có diện tích 507,2m², thửa 487-1, có diện tích 20,6 m² thuộc các điểm ABC'D'E'F'NOVRSTUA là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà Ngô Thị Trúc L phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho những người thừa kế hàng thứ nhất khác giá trị kỷ phần thừa kế mà họ được nhận.

Bà Ngô Thị Trúc L được nhận phần đất có diện tích 527,8 m², thuộc các thửa 487 có diện tích 507,2m², thửa 487-1, có diện tích 20,6 m², thuộc các điểm ABC'D'E'F'NOVRSTUA có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với Đường ấp 5, xã TP.

- Hướng Tây giáp với thửa 186 cùng tờ bản đồ số 37.

- Hướng Nam giáp với phần đất của bà Đoàn Thị T nhận

- Hướng Bắc giáp thửa 196, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Thủ, thửa 197, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Hữu

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất T1 chấp ngày 28/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20-Vĩnh Long).

[8] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H.

Bà Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H là một trong những người con của ông Ngô Văn Rít, ông Rít chết không để lại di chúc, do đó Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H mỗi được nhận 1/9 giá trị phần di sản của ông Rít, tương

ứng với giá trị 1/18 tổng giá trị tài sản T1 chấp là đúng pháp luật, tương ứng với số tiền là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng),

[9] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn H.

Vào ngày 05/12/2023, ông Ngô Văn H có đơn yêu cầu phản tố, đồng thời, Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của bị đơn Ngô Văn H. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của ông H không phải là yêu cầu phản tố, do đó đình chỉ là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Ngô Văn H được nhận 1/9 giá trị phần di sản của ông Rít, tương ứng với giá trị 1/18 tổng giá trị tài sản T1 chấp là đúng pháp luật, tương ứng với số tiền là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

[10] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn D.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Ngô Văn D về việc nộp đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông D yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không tiến hành nộp đơn yêu cầu độc lập, do đó ông D không được chia di sản thừa kế của ông Rít để lại. Kỷ phần thừa kế của ông D tạm giao cho bà Đoàn Thị T quản lý, sử dụng. Ông D được quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu bà T phải hoàn trả lại kỷ phần thừa kế nếu có yêu cầu.

[11] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T1, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2.

Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận ông Ngô Văn Hiền chết trước ông Ngô Văn Rít, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kỷ phần của ông Hiền được nhận từ ông Rít để lại, các con của ông Hiền nhận thay theo thừa kế thế vị quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự, do đó, anh Ngô Hoàng K, anh Ngô L1 B1, chị Ngô Thị Lệ H2 được nhận 1/9 giá trị phần di sản của ông Rít, tương ứng với giá trị 1/18 tổng giá trị tài sản T1 chấp tương ứng với số tiền là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

[12] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1

Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận ông Ngô Văn Đức chết sau ông Ngô Văn Rít, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kỷ phần của ông Đức được nhận từ ông Rít để lại, vợ và các con của ông Đức nhận thay theo quy định về thừa kế chuyển tiếp. Do đó, bà Nguyễn

Thị Kim O, chị Ngô Thị Kim Q, anh Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 được nhận kỷ phần thừa kế (Thay ông Hiền) được nhận 1/9 giá trị phần di sản của ông Rít, tương ứng với giá trị 1/18 tổng giá trị tài sản T1 chấp là đúng pháp luật. Đối với chị Ngô Thị Thúy H4 không có mặt tại địa pH, chị H4 là con của ông Hiền, bà O, do đó kỷ phần của chị H4 giao luôn cho bà Nguyễn Thị Kim O, chị Ngô Thị Kim Q, anh Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 quản lý, sử dụng, chị H4 được quyền khởi kiện đòi lại kỷ phần được nhận trong vụ án khác nếu có yêu cầu

[13] Về tài sản trên đất.

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất mái che 1, mái che 2, nhà tiền chế 1, nhà tiền chế 2 là của anh Ngô Hoàng K xây dựng, anh K đồng ý di dời ra khỏi đất T1 chấp khi Tòa án giải quyết xong, nên Tòa án ghi nhận.

Đối với mái che 3, chuồng heo, giếng nước không còn giá trị sử dụng nên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xE xét, giải quyết; Đối với các ngôi mộ trên đất các đương sự không yêu cầu nên bà T tiếp tục quản lý.

Đối với các cây trồng trên đất đều đã chết các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xE xét, giải quyết;

[14] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nH4 dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án là đúng pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do cầu của nguyên đơn Đoàn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc H, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 được chấp nhận, do đó các đương sự phải chịu án phí tương ứng với kỷ phần được nhận, tuy nhiên bà Đoàn Thị T, bà Ngô Thị C, bà Nguyễn Thị Kim O thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[16] Về chi phí tố tụng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị T được chấp nhận, do đó ông Ngô Văn H phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 611, 613, 623 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị T về việc “T1 chấp về thừa kế tài sản” đối với bị đơn Ngô Văn H.

Bà Đoàn Thị T được nhận phần đất có diện tích 1.688,4 m² thuộc các thửa 488 có diện tích 1.309,7 m², thửa 488-1 có diện tích 0,7 m², thửa 486 có diện tích 374,5 m², thửa 486-1 có diện tích 3,5 m² thuộc các điểm CDEFYXMVF'C, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với Đường ấp 5, xã TP.
- Hướng Tây giáp với thửa 195, 196 cùng tờ bản đồ số 37.
- Hướng Nam giáp với thửa 352. Tờ bản đồ số 37 của bà Phạm Thị N, thửa 218, tờ bản đồ số 37 của ông Phạm Văn E.

- Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Ngô Thị Trúc L nhận.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất T1 chấp ngày 28/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20-Vĩnh Long).

2. Đình chỉ yêu cầu phân tố của bị đơn Ngô Văn H.

3. Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Trúc PH, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1.

Bà Ngô Thị Trúc L được nhận phần đất có diện tích 527,8 m², thuộc các thửa 487 có diện tích 507,2m², thửa 487-1, có diện tích 20,6 m² thuộc các điểm ABC'D'E'F'NOVRSTUA có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với Đường ấp 5, xã TP.
- Hướng Tây giáp với thửa 186 cùng tờ bản đồ số 37.
- Hướng Nam giáp với phần đất của bà Đoàn Thị T nhận
- Hướng Bắc giáp thửa 196, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Thủ, thửa 197, tờ bản đồ số 37 của ông Nguyễn Văn Hữu.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất T1 chấp ngày 28/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20-Vĩnh Long).

Bà Ngô Thị Trúc L có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho bà Ngô Thị C, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Trúc H giá trị kỷ phần bà C, bà Đ, bà H được nhận là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng), bà Ngô Thị Trúc L phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho anh Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2 số tiền 17.346.000 đồng (Mười bảy triệu B1 trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

4. Ông Ngô Văn H được nhận 1/9 giá trị phần di sản của ông Rít, tương ứng với giá trị 1/18 tổng giá trị tài sản T1 chấp với số tiền là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Bà Đoàn Thị T có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông Ngô Văn H giá trị kỷ phần thừa kế được nhận là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) bồi hoàn cho anh Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2 số tiền 77.280.000 đồng; Bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 giá trị kỷ phần thừa kế được nhận là 94.626.000 đồng (Chín mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng),

5. Ghi nhận việc Nguyễn Thị T3, Phạm Thị N, Nguyễn Thị D thống nhất xác định ranh theo ranh hồ sơ địa chính, đối với phần đất đang T1 chấp.

Bà Đoàn Thị T trả lại cho bà Phạm Thị N phần đất thuộc thửa 352-1, có diện tích 10,4 m².

Bà Nguyễn Thị D trả lại cho bà Đoàn Thị T thửa 486-1 có diện tích 3,5 m², thửa 488-1 có diện tích 0,7 m².

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T1 về việc yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của ông Ngô Văn Hiền để lại.

7. Anh Ngô Hoàng K có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che 1, mái che 2, nhà tiền chế 1, nhà tiền chế 2, giao lại phần đất trống cho bà T, bà L quản lý, sử dụng theo diện tích đã nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đoàn Thị T, bà Ngô Thị C, bà Nguyễn Thị Kim O thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Ông Ngô Văn H phải chịu án phí với số tiền là: 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp là

2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000650 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, ông H phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

Bà Ngô Thị Trúc L phải chịu án phí với số tiền là 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà L đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000684 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, bà L phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

Bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí với số tiền là 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà Đ đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006128 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, bà Đ phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

Bà Ngô Thị Trúc H phải chịu án phí với số tiền là 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà H đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000623 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, bà H phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

Anh Ngô Hoàng K, anh Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2 phải chịu án phí với số tiền là 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà T1, anh K, anh B1, chị H2 đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003273 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, anh K, anh B1, chị H2 phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim O, chị Ngô Thị Kim Q, anh Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1 phải chịu án phí với số tiền là 4.731.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm B1 mười một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà O, chị Q, anh K2, anh L1 đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003274 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, bà O, chị Q, anh K2, anh L1 phải nộp tiếp số tiền là 2.231.000 đồng (Hai triệu hai trăm B1 mười một nghìn đồng).

9. Về chi phí tố tụng.

Ông Ngô Văn H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, trích lục là 21.911.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tự thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự Đoàn Thị T, Ngô Thị Trúc L, Ngô Thị Trúc H, Nguyễn Thị Kim O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng Các đương sự Ngô Thị C, Ngô Thị Đ, Trần Thị T1, Ngô Hoàng K, Ngô L1 B1, Ngô Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Kim O, Ngô Thị Kim Q, Ngô Đăng K2, Ngô Hoàng L1, Nguyễn Thị T3, Phạm Văn E, Phạm Thị N, Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GDKT, TT&THA);
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự;
- UBND xã TP, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi

